

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch Vụ Ô Tô Hàng Xanh

Ngày 31/12/2025	10,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.7%	-	-

DT thuần Q4/25	1,513
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 363 31.6%
YoY: ▼304 -16.7%	

LN thuần Q4/25	3.89
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 48.4 109%
YoY: ▼35.9 -90.2%	

LN sau thuế Q4/25	38.1
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 63.9 248%
YoY: ▼21.4 -36.0%	

Tỷ suất lãi EBIT 2025	1.8%
YoY: +/- ▼ 3.3%	

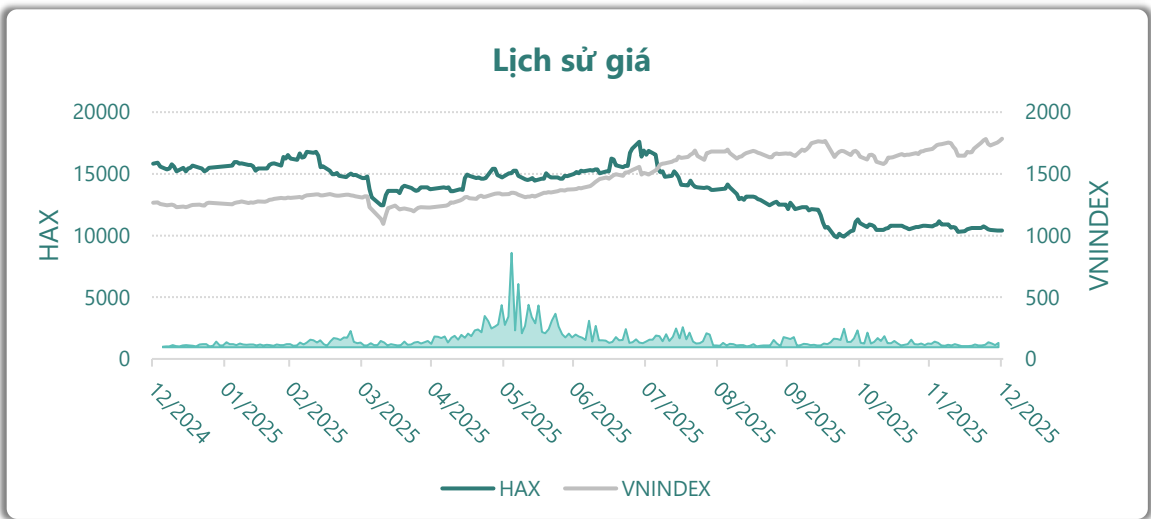
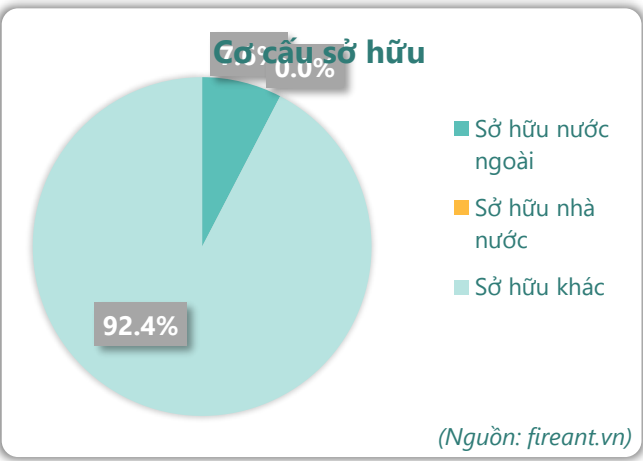
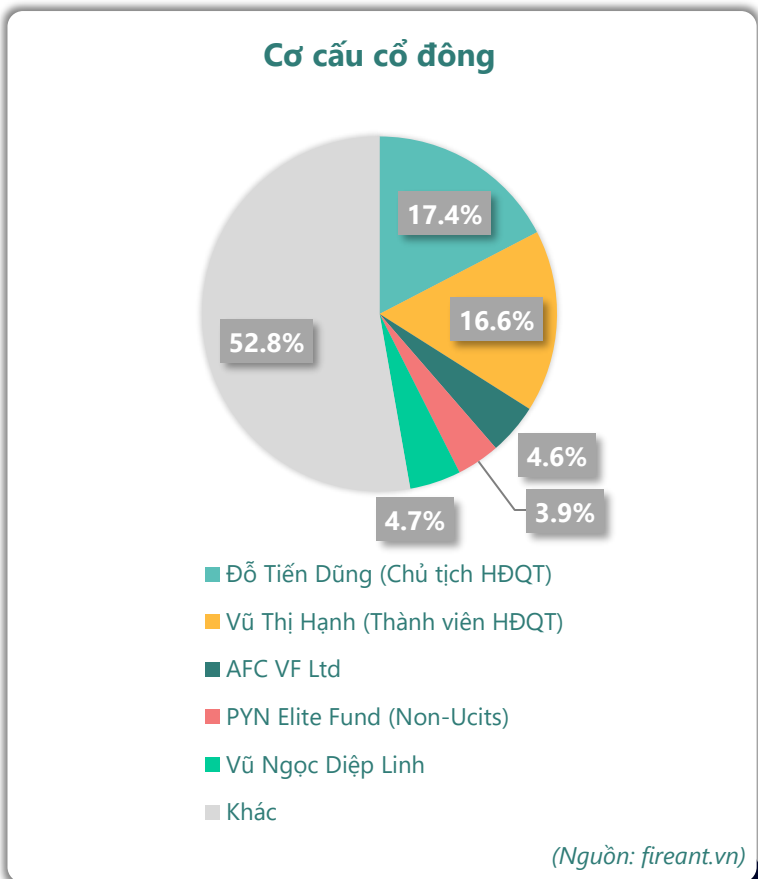
ROE 2025	0.4%
YoY: +/- ▼ 9.0%	

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,850 - 17,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,117
Số lượng CPLH (CP)	107,439,681
KLGD BQ 20 phiên (CP)	336,085
Sở hữu nước ngoài	7.6%
Beta	0.65
EPS	52
P/E	198.8

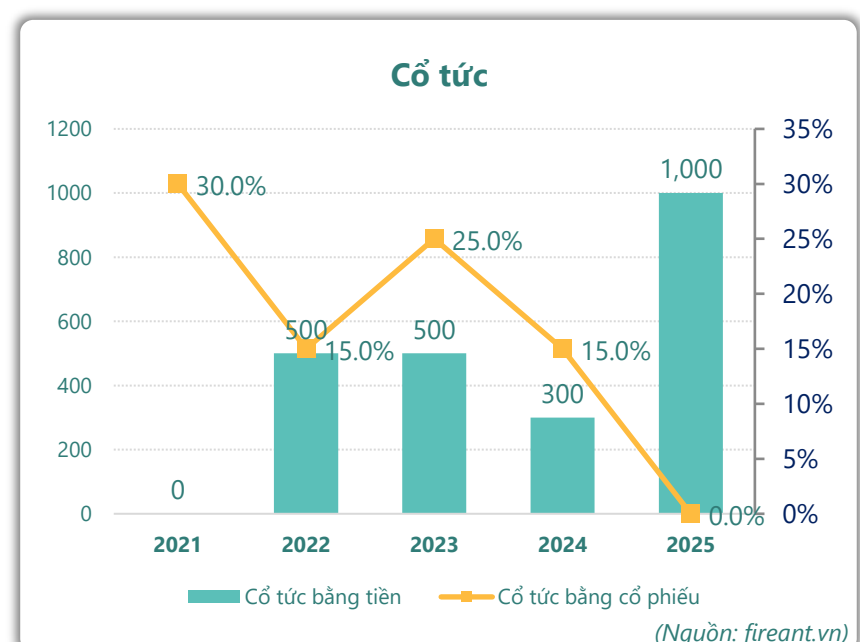
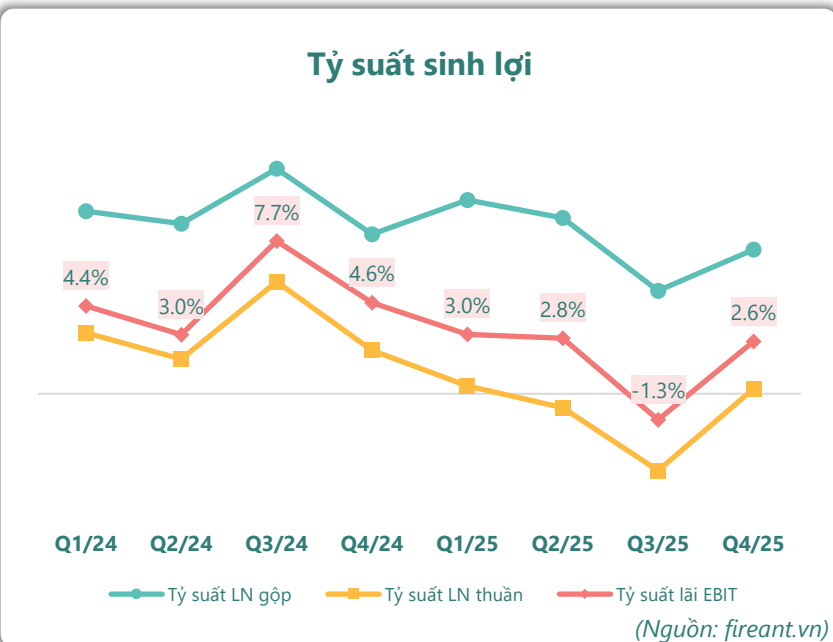
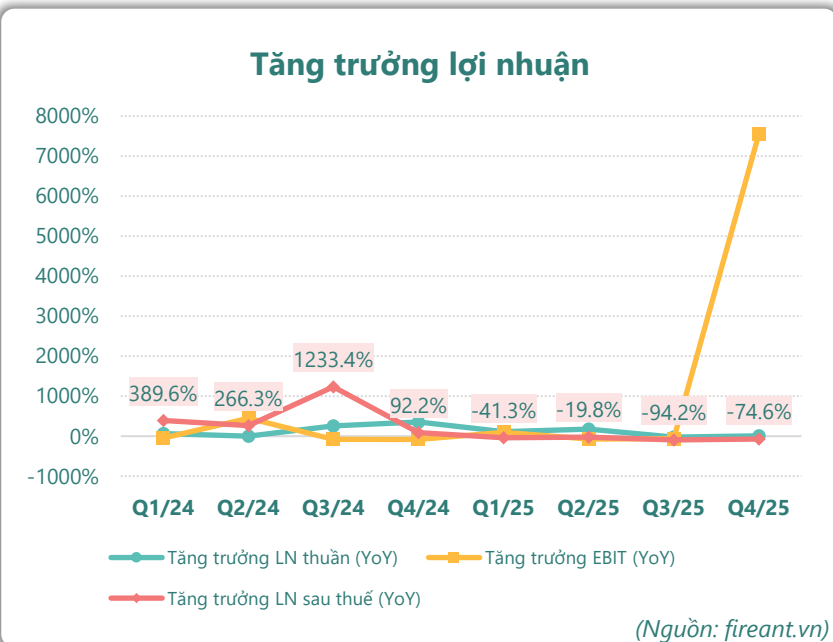
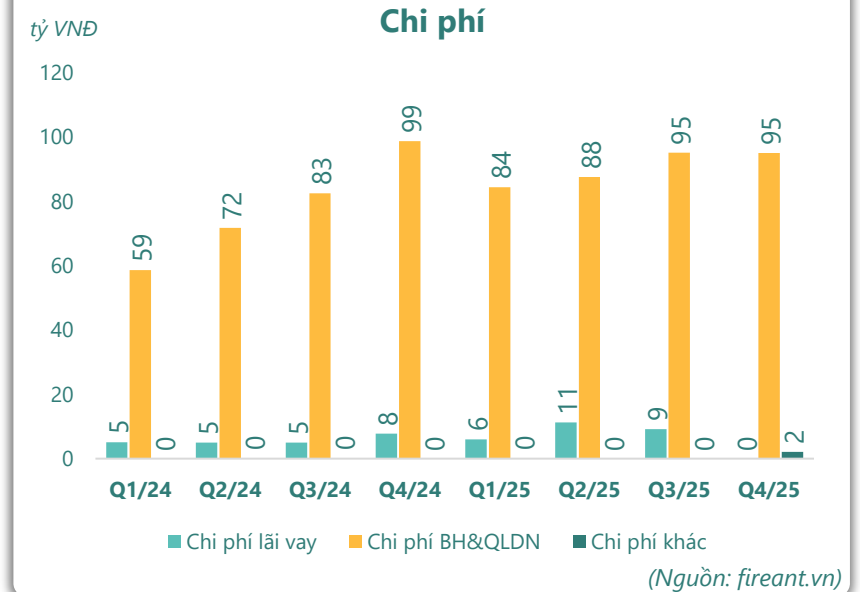
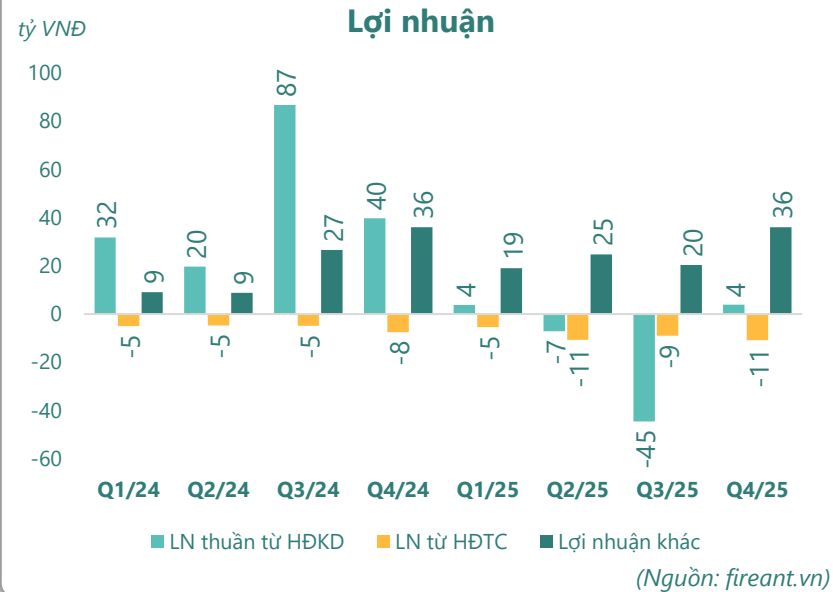
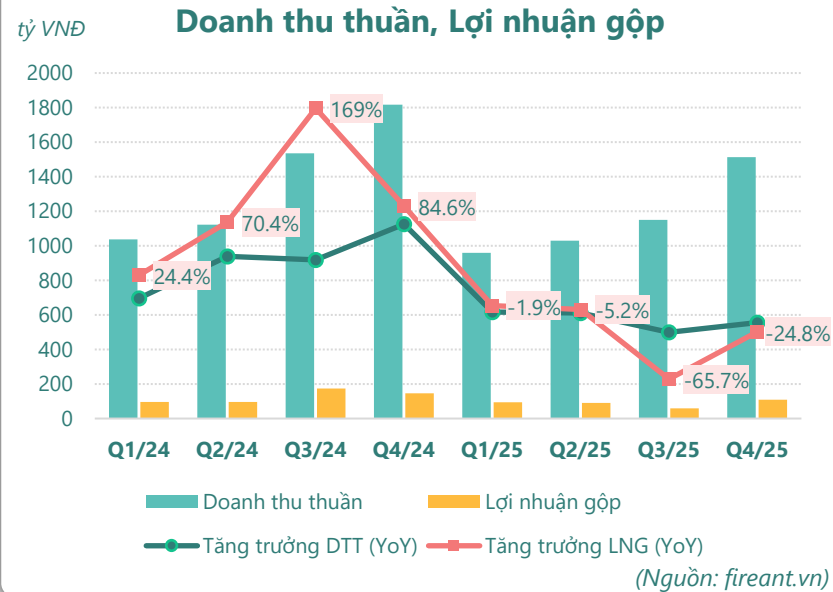
DT thuần 2025	4,651
tỷ VNĐ	YoY: ▼862 -15.6%

LN thuần 2025	-44.1
tỷ VNĐ	YoY: ▼222 -125%

LN sau thuế 2025	39.1
tỷ VNĐ	YoY: ▼165 -80.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH

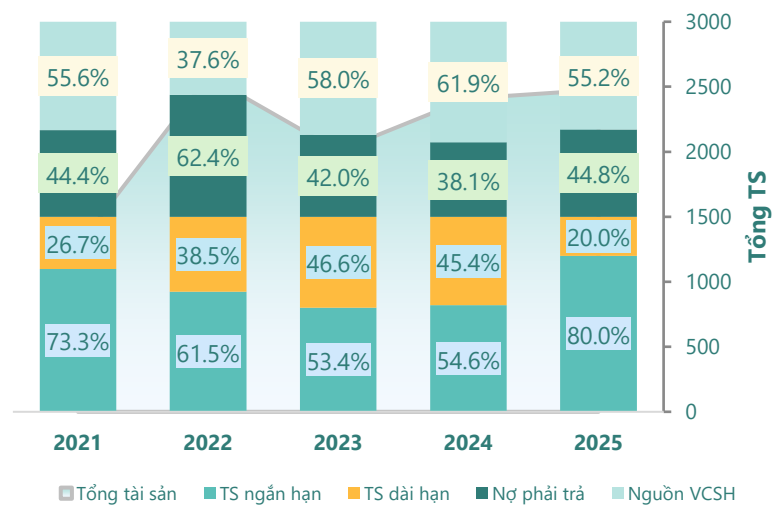




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

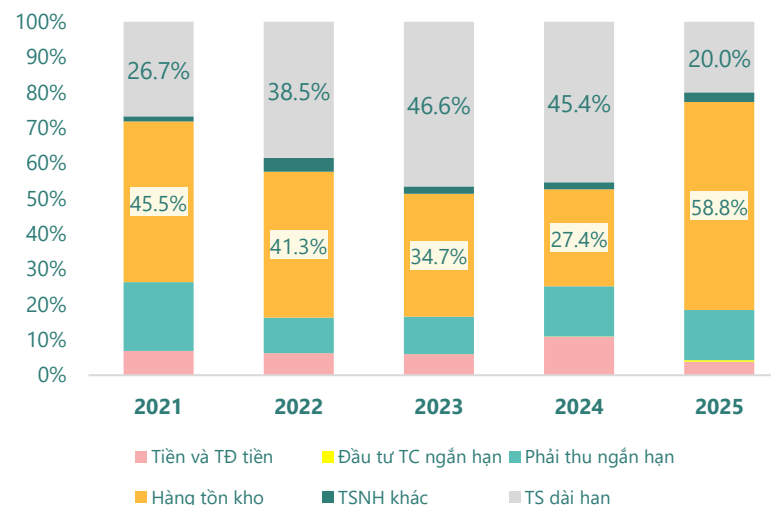
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

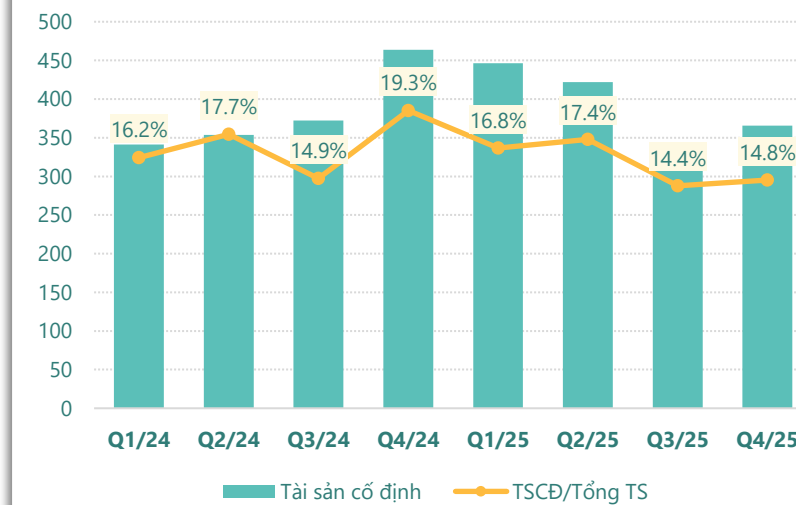
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

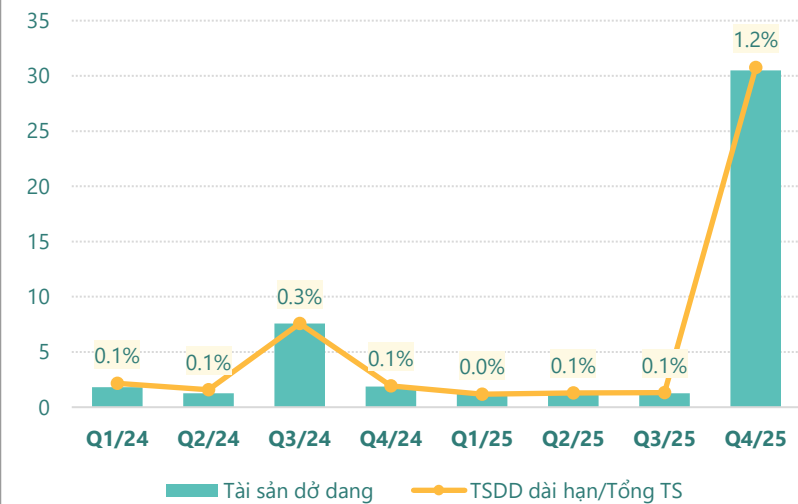
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

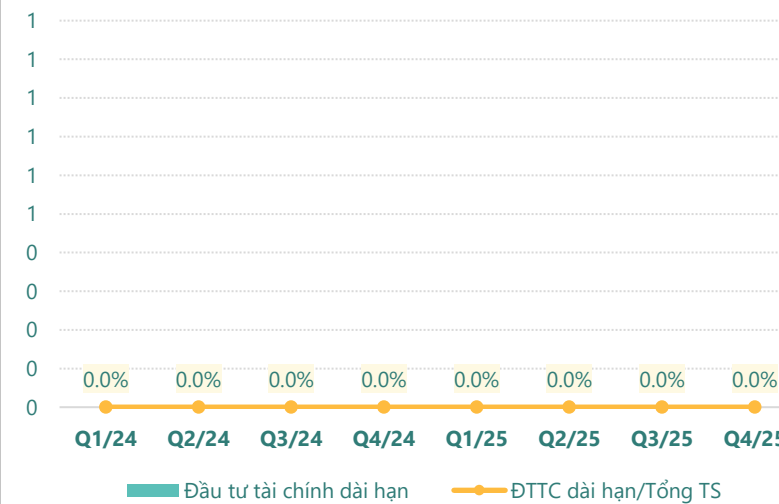
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

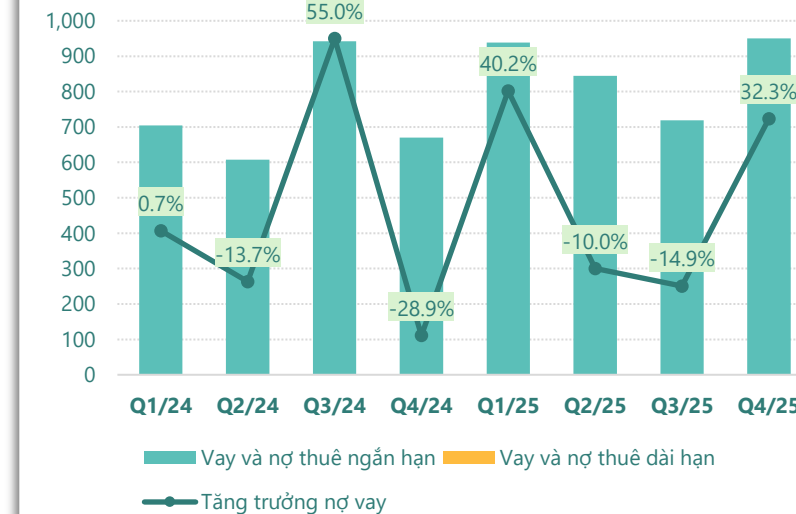
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

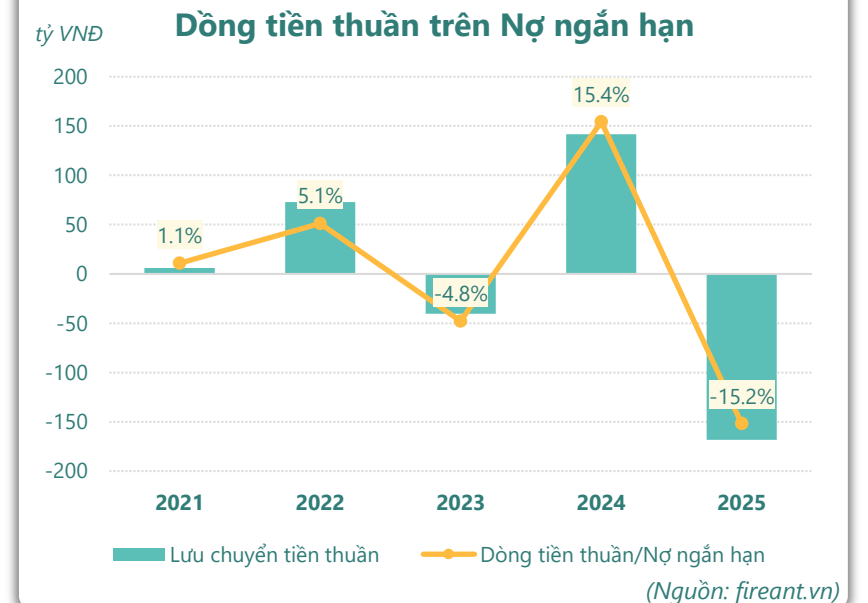
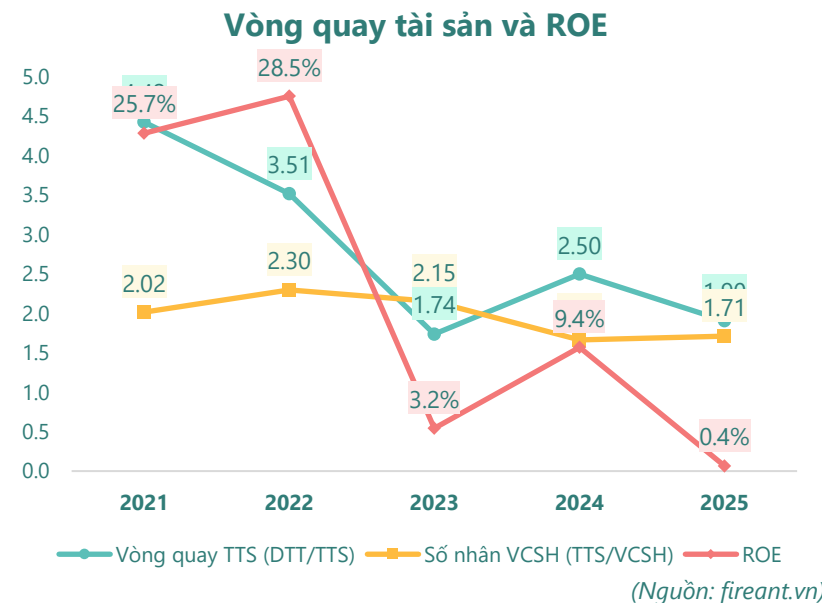
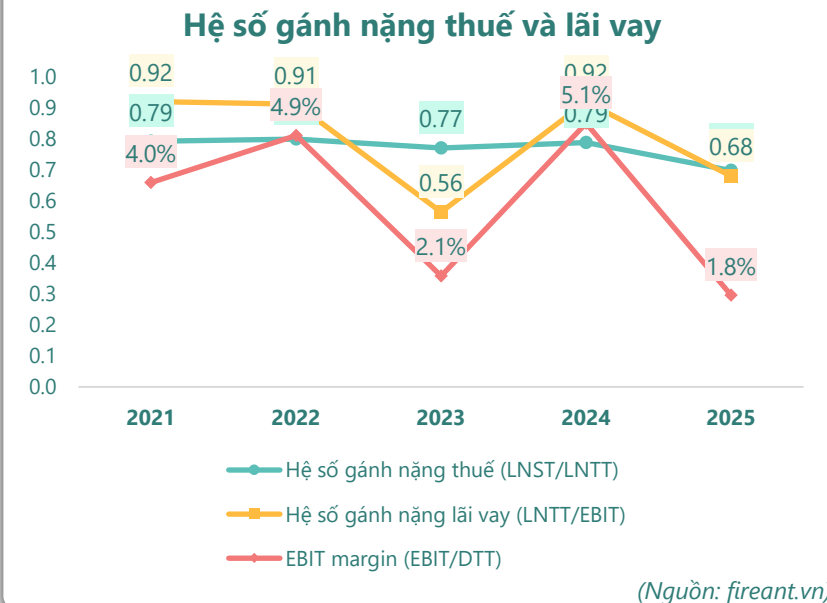
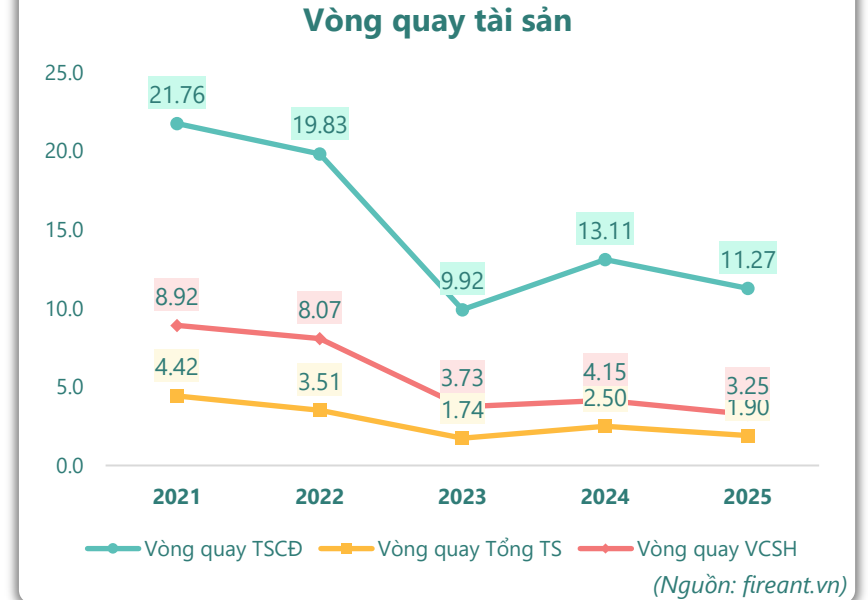
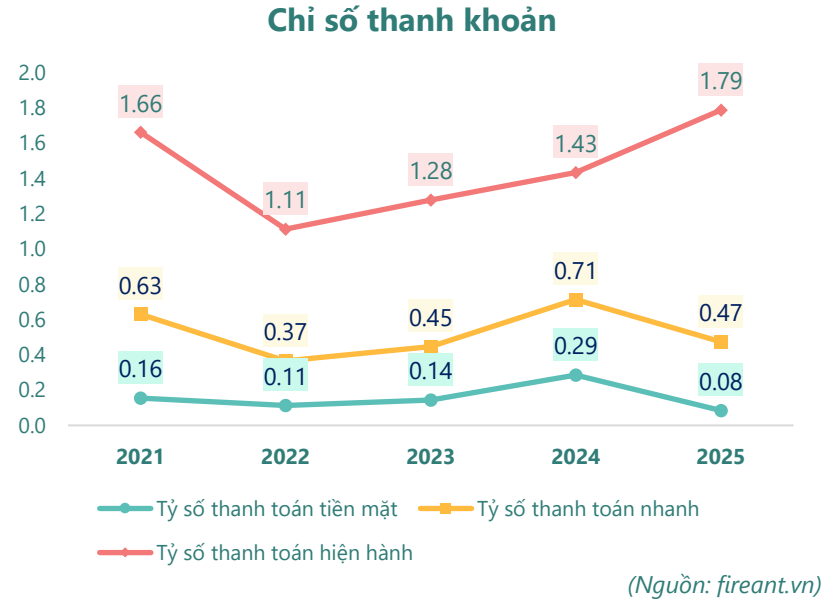
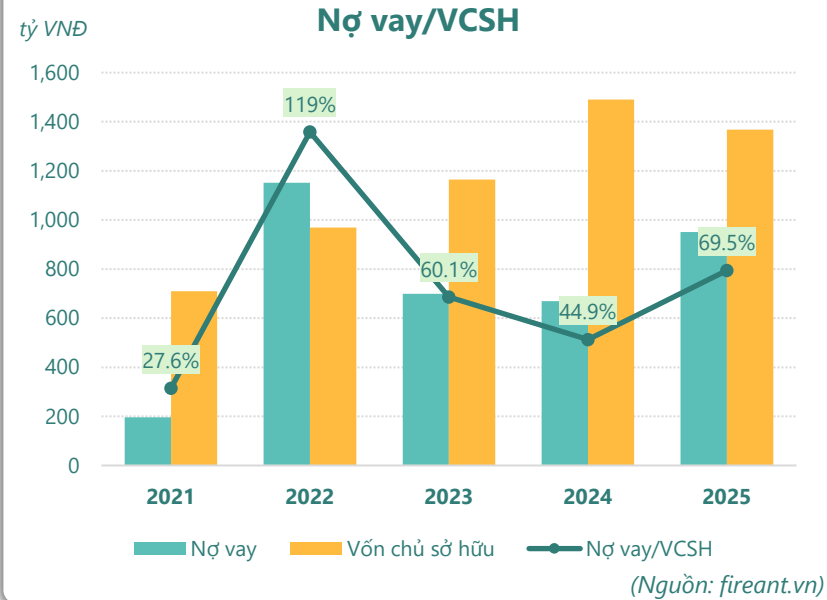
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,513	1,817	-16.7%	4,651	5,513	-15.6%
Giá vốn hàng bán	1,403	1,671	-16.0%	4,296	5,001	-14.1%
Lợi nhuận gộp	110	146	-24.7%	354	512	-30.8%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.22	-39.7%	1.35	0.70	92.6%
Chi phí TC	11.0	7.75	42.5%	37.5	22.8	64.3%
Chi phí lãi vay	0	7.75	-100%	26.4	22.8	15.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	60.5	66.4	-8.9%	225	208	8.2%
Chi phí QLDN	34.7	32.4	7.0%	137	104	32.2%
LN thuần từ HĐKD	3.89	39.8	-90.2%	-44.1	178	-125%
Lợi nhuận khác	36.1	36.0	0.2%	100	80.4	24.6%
LN trước thuế	40.0	75.8	-47.3%	56.0	258	-78.3%
Lợi nhuận sau thuế	38.1	59.5	-36.0%	39.1	204	-80.8%
LNST của CĐ cty mẹ	33.0	33.7	-2.0%	5.62	125	-95.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-208	454	-412	182	114	-195
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-35.1	-138	11.9	9.03	32.9	-61.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	331	-272	267	-222	-126	232
Tiền đầu kỳ	130	218	262	128	97.0	118
Lưu chuyển tiền thuần	88.2	43.5	-134	-31.3	20.7	-24.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	218	262	128	97.0	118	93.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,477	2,409	2.8%
Tài sản ngắn hạn	1,982	1,316	50.6%
Tiền và tương đương tiền	93.4	262	-64.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	3.00	267%
Phải thu ngắn hạn	354	340	3.9%
Hàng tồn kho	1,457	661	121%
Tài sản ngắn hạn khác	66.7	49.8	34.0%
Tài sản dài hạn	495	1,093	-54.7%
Phải thu dài hạn	6.56	6.24	5.2%
Tài sản cố định	366	460	-20.5%
Bất động sản đầu tư	0	542	-100%
Tài sản dở dang	30.5	1.86	1540%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	92.7	34.3	170%
Lợi thế thương mại	0	49.2	-100%
Nợ phải trả	1,109	918	20.8%
Nợ ngắn hạn	1,108	918	20.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	951	670	42.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	61.2	99.3	-38.4%
Nợ dài hạn	0.55	0.54	1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,368	1,491	-8.2%
Vốn chủ sở hữu	1,368	1,491	-8.2%
Vốn điều lệ	1,074	1,074	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

